ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 435 /UBND-VP V/v chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC Năm 2021	*Điện Biên, ngày 23 tháng 3 năm 2021*

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ công văn số 102/VPUB-KSTT ngày 05/3/2021 về việc chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC năm 2021, UBND huyện Điện Biên tổng hợp báo cáo kết quả chấm điểm đánh giá đối với công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính năm 2021 *(biểu mẫu đính kèm).*

Trên đây là kết quả đánh giá chấm điểm của UBND huyện Điện Biên gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- LĐ UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bùi Hải Bình

Biểu mẫu số 01

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
TRONG TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ HỒ SƠ TTHC

Kỳ đánh giá: Quý I năm 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 435 /UBND-VP ngày 23 /3/2021 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên công chức, viên chức	Vị trí công tác	Điểm đánh giá	Xếp loại (đánh dấu X vào ô tương ứng)		
				Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100%	Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ
1	Phùng Văn Thanh	Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	7	X		
2	Lầu A Sình	Lĩnh vực Tư pháp	7	X		
3	Phạm Thị Kim Hương	Lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội	7	X		
4	Phạm Phú Thụy	Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch	7	X		
5	Quàng Xuân Thủy	Ban Tiếp Công dân	7	X		
6	Nguyễn Văn Phong	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	7	X		
7	Phan Thanh Bắc	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7	X		
8	Lò Công Sơn	Phòng Y tế	7	X		

Biểu mẫu số 02

CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Kỳ đánh giá: Quý I năm 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 435 /UBND-VP ngày 23 /3/202 của UBND huyện Điện Biên)

Đơn vị: UBND huyện Điện Biên
Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ: 1311 hồ sơ
Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ: 1420 hồ sơ

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số lượng hồ sơ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**Tổng thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính**	1		((3 x 2)+(1308 x 1) + (1 x 0))/1311= 1	Hồ sơ đang giải quyết 86 hồ sơ
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	3		
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1	1308		
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0	1		
2	**Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết thủ tục hành chính**	1		((3 x 2)+(1308 x 1) + (1 x 0))/1311= 1	
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	3		
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1	1308		
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0	1		
3	**Số lần tổ chức, cá nhân phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả theo hình thức trực tuyến)**	**2**	**1**	((3 x 2)+(1308 x 1) + (1 x 0))/1311= 1	
	Không phải liên hệ lần nào	2			
	Chỉ liên hệ một lần	1	0		

	Phải liên hệ hơn một lần (trừ trường hợp nguyên nhân do lỗi của người nộp hồ sơ)	0	0		
4	**Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả theo hình thức trực tuyến)**	**2**		2	
	Tổ chức, cá nhân không phải liên hệ với cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	2			
	Tổ chức, cá nhân phải liên hệ với một cơ quan, đơn vị, tổ chức là bộ phận một cửa để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	1			
	Tổ chức, cá nhân phải liên hệ với hơn một cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	0			
5	**Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết thủ tục hành chính**	**2**			
	Giải quyết hồ sơ TTHC sớm hơn thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	2		((3 x 2)+(1308 x 1) + (1 x 0))/1311= 1	
	Giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	1			
	Có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật (trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là không đúng hoặc vu cáo)	0			

Từ tiêu chí số 6 đến tiêu chí số 9 không tính số lượng hồ sơ (đánh dấu X vào ô tương ứng và chấm điểm vào dòng tiêu chí)

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
6	**Tổ chức Tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả**	**2**	**2**	
	100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	2	2	
	Từ 90% đến dưới 100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	1		

	Dưới 90% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0		
7	**Công khai các thủ tục hành chính**	**2**	**2**	
	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng cả hai hình thức niêm yết và điện tử	2	2	
	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng một trong hai hình thức niêm yết và điện tử	1		
	Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời	0		
8	**Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân**	**2**	**1**	
	Không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	2		
	Tối thiểu 90% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	1	1	1 hồ sơ có phản ánh kiến nghị
	Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài	0		
9	**Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền**	**2**	**0**	
	Tối thiểu 20% TTHC đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30% và không có hồ sơ trực tuyến nào không giải quyết và giải quyết quá hạn	2		
	Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mực độ 3,4 đối với TTHC đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30% và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	1		
	Không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15% hoặc có hồ sơ trựa tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	0	0	
TỔNG ĐIỂM		**18**	**11**	